

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2018/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 20 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí
tham quan tại Vườn Quốc gia Pù Mát tỉnh Nghệ An**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 104/2007/QĐ-BNN ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế quản lý các hoạt động du lịch sinh thái tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên;

Xét Tờ trình số 4301/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan tại các điểm tham quan của Vườn Quốc gia Pù Mát tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Tổ chức thu phí: Ban quản lý Vườn Quốc gia Pù Mát;
- b) Đối tượng nộp phí: Người Việt Nam và người nước ngoài đến tham quan tại Vườn quốc gia Pù Mát.

Điều 2. Mức thu phí

b) Đối tượng nộp phí: Người Việt Nam và người nước ngoài đến tham quan tại Vườn Quốc gia Pù Mát.

Điều 2. Mức thu phí

1. Khu Văn phòng Vườn Quốc gia Pù Mát:

a) Đối với người lớn: 10.000 đồng/lượt/người;

b) Đối với trẻ em (trừ trường hợp tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này): 5.000 đồng/lượt/người.

2. Thác Kèm:

a) Đối với người lớn: 30.000 đồng/lượt/người;

b) Đối với trẻ em (trừ trường hợp tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này): 10.000 đồng/lượt/người;

3. Rừng nguyên sinh (áp dụng chung cho tất cả các tuyến du lịch vào địa bàn Khe Choảng, Khe Thơi, Khe Khặng...): Đối với người lớn: 50.000 đồng/ngày/người.

Điều 3. Chế độ miễn, giảm phí

1. Đối tượng miễn phí:

a) Trẻ em dưới 6 tuổi hoặc trẻ em có chiều cao dưới 1,2 mét;

b) Người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật.

2. Đối tượng giảm 50% phí:

a) Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;

b) Người cao tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi;

c) Trường hợp người thuộc diện được hưởng đồng thời các chính sách giảm phí theo quy định tại điểm a, b khoản này thì chỉ được giảm 50% mức phí tham quan.

Điều 4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức thu phí được trích lại 100% (một trăm phần trăm) số phí thu được trong thời gian 03 (ba) năm, tính từ ngày 01/01/2019. Từ ngày 01/01/2022

trở đi, tổ chức thu phí được để lại 80% số phí thu được, 20% còn lại nộp ngân sách Nhà nước theo đúng quy định.

2. Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí:

a) Tổ chức thu phí chịu trách nhiệm phát hành biên lai thu phí theo quy định tại Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc Ngân sách nhà nước;

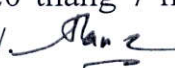
b) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai thu nộp vào tài khoản phí tạm giữ chờ nộp ngân sách hàng tháng theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm quản lý, sử dụng phí, báo cáo thu, chi phí hàng năm theo quy định hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khoá XVII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. / 

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT, Bộ Tài chính, Bộ VH,TT&DL;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB) (để b/c);
- TT.Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH
Nguyễn Xuân Sơn